TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 19/2018/DS-ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Thoại Lượng**

2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hường**, Kiểm sát viên

Ngày 08/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2016/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2016 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-ST ngày 13/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà **Dương Thị V**, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Số 390, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông **Dương Văn B**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: 246, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Dương Văn B là Luật sư **Nguyễn Thị Thu T** là luật sư, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Người đ ại diện theo ủy quyền của bà N là bà Dương Thị N

3. Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ số 390, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

5. Bà **Trần Thị Mỹ N**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà N là bà Dương Thị V.

6. Ông **Dương Quang M**, sinh năm 1991 (có mặt)

7. Ông **Dương Thanh P**, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 246, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị V trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà là ông Dương Văn C, mất năm 1990 và mẹ là bà Ngô Thị H chết năm 2007, từ trước tới nay cha bà sống ở ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, khi cha của bà chết còn mẹ bà thì ở lại sống chung với ông B trên phần đất đang tranh chấp . Đến năm 2007, thì mẹ của bà mất.

Trước khi cha mẹ của bà chết, có quản lý thửa đất 215 có diện tích 12.200m^2 và thửa 202 có diện tích 2.400m^2 , nhưng vào thời điểm đó cha mẹ của bà không có đứng tên quyền sử dụng đất và cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi cha mẹ của bà mất không có để lại di chúc phần đất này và hiện nay ông Dương Văn B đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên và ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993. Hiện nay bà đang cất nhà ở khoảng 500m^2 và sử dụng 1.000m^2 đất ruộng trên thửa 215 và 202 do ông Dương Văn B đứng tên quyền sử dụng đất và gia đình bà ở từ năm 2000 cho đến nay.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết chia thừa kế theo pháp luật trong thửa 215 và 202, đồng thời bà xin được hưởng 500m^2 đất ở và đất nông nghiệp 1.000m^2 trên thửa 215 và 202, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Theo đơn phản tố ngày 06/02/2017; các biên bản hòa giải ngày 10/01/2017, ngày 12/4/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Bị đơn ông Dương Văn B trình bày***: Nguồn gốc đất này không phải cha cha mẹ ông để lại, khi mẹ ông bệnh ông mới đem mẹ ông về nhà chăm sóc, đến năm 2007, thì mẹ ông mất. Phần

đất này trước đây là đất hoang, do ông tự khai phá và canh tác ổn định và liên tục đến năm 1993, thì ông được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng cho đến nay. Năm 2004, ông thấy em ruột là bà Dương Thị V có hoàn cảnh khó khăn nên ông có cho mượn một nền nhà có diện tích 44m^2 để tạm ở và 01 công ruộng để làm, 02 thửa trên đều thuộc thửa 215 tờ bản đồ số 02, loại đất thổ cư, đất màu và lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với bà V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, thì ông không đồng ý, còn bà V đang ở trên đất của ông là ông cho mượn chứ ông không có cho. Do đó ông yêu cầu:

Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Vì nguồn gốc đất là do ông tự khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

Buộc gia đình bà Dương Thị V trả lại cho ông phần diện tích đất đã mượn để ở và đất ruộng đang canh tác thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ cư đất màu và lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Yêu cầu bà Dương Thị V tháo dỡ căn nhà đang ở để hoàn trả lại cho ông phần diện tích như hiện trạng ban đầu.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:** Bà **Dương Thị N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị N** trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà V, nhưng bà và bà N không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật mà chỉ yêu cầu ông B phải chia cho em của bà là bà V theo như yêu cầu của bà V.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:** Ông **Trần Văn K** trình bày: Ông thống nhất theo yêu cầu của bà V là vợ của ông, nhưng ông không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật mà chỉ yêu cầu ông B phải chia cho vợ ông là bà V theo yêu cầu trong đơn khởi kiện, vì đất tranh chấp này gia đình ông ở từ năm 2000 cho đến nay.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:** Ông **Dương Quang M** trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của cha ông là ông Dương Văn B và không có ý kiến gì thêm.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:** Ông **Dương Thanh P** trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của cha ông là ông Dương Văn B và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn, bị đơn, đều vẫn giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên, nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người anh em trên thửa 215 và thửa 202, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời bà xin được hưởng 500m^2 đất ở và đất nông nghiệp là 1.000m^2 . Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định "*Tranh chấp thừa kế tài sản*".

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Nguyên đơn cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây khi cha mẹ chết có để lại phần đất thửa 215 và 202 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay do ông Dương Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C, tỉnh Sóc Trăng) cấp giấy chưng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/1993. Thực tế ông B được quyền sử dụng đất có diện tích 19.950m^2 thuộc tờ bản đồ số 02 gồm các thửa 202 có diện tích 2.400m^2 , thửa 215 có diện tích 12.200m^2 , thửa 598 có diện tích 5.305m^2 , đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện M (nay là huyện C, tỉnh Sóc Trăng) và bị đơn ông Dương Văn B đã sử dụng ổn định và liên tục từ đó cho đến nay, đồng thời đất không có tranh chấp. Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn Dương Văn B:

[3] Do nguyên đơn bà Dương Thị V đã sống và ổn định trên phần đất này từ năm 2004 cho đến nay. Hơn nữa giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ anh em ruột, căn nhà nguyên đơn đang ở là nhà tình thương được nhà nước cấp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn trả cho bị đơn phần đất ruộng đang canh tác thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 1.300m^2 . Theo biên bản thẩm định tại chổ ngày 12/5/2017, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 43,92m.

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 43,92m.

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 29,6m.

Hướng Bắc giáp thửa 200 có số đo 29.6m.

Diện tích: 1.300m^2 (có sơ đồ kèm theo).

[4] Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Dương Văn B yêu cầu nguyên đơn bà Dương Thị V thảo dỡ căn nhà đang ở để hoàn trả lại cho bị đơn phần diện tích đất như hiện trạng ban đầu. Cần buộc nguyên đơn trả lại giá trị bằng tiền đối với phần đất mà nguyên đơn đã sử dụng của bị đơn để xây dựng nhà ở cụ thể: 104m^2 x 150.000 đồng/m^2 = 15.600.000 dồng. Theo biên bản thẩm định tại chổ ngày 12/5/2017, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 200 của ông Nguyễn Văn Q có số đo 10m.

Hướng Tây giáp đất còn lại của thửa 215 do ông Dương Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số đo 10m.

Hướng Nam giáp với đường đal có số đo 10,4m.

Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 10m.

Diện tích: 104m^2 .

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận và yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về nghĩa vụ nộp chi phí định giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong trường hợp này, chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản số tiền 2.400.000 đồng phía nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến cho rằng:

Nguồn gốc đất này là của bị đơn ông Dương Văn B, vì ông B đã sử dụng ổn định và liên tục và ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 và thủ tục cấp giấy là đúng theo trình tự thủ tục. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là không có cơ sở, vì đất này không phải của cha mẹ ông B và bà V.

Tuy nhiên, do nguyên đơn bà Dương Thị V đã sống và ổn định trên phần đất này từ năm 2000 cho đến nay. Hơn nữa giữa căn nhà nguyên đơn đang ở là nhà tình thương được nhà nước xây dựng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thảo dỡ căn nhà trả lại diện tích đất như hiện trạng ban đầu.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với những người tham gia tố tụng, các đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, Vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và xin được hưởng 500m^2 đất ở và đất nông nghiệp 1.000m^2, trên thửa 215 và 202, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn phần đất ruộng đang canh tác thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích 1.300m^2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc bà Dương Thị V tháo dỡ căn nhà đang ở để hoàn trả lại cho bị đơn phần diện tích như hiện trạng ban đầu. Buộc nguyên đơn phải trả giá trị với số tiền 15.600.000 đồng cho bị đơn. Giao cho nguyên đơn được quyền sử dụng phần đất có 01 căn nhà có diện tích 104m^2, thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 255, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 1, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Áp dụng Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn bà Dương Thị V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và xin được hưởng 500m^2 đất ở và đất nông nghiệp 1.000m^2 trên thửa 215 và 202 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Dương Văn B. Buộc nguyên đơn Dương Thị V phải trả cho bị đơn Dương Văn B phần đất ruộng

đang canh tác thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích 1.300m^2 , có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 43,92m.

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 43,92m.

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 29,6m.

Hướng Bắc giáp thửa 200 có số đo 29.6m.

Diện tích: 1.300m^2 (có sơ đồ kèm theo).

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Dương Văn B yêu cầu buộc nguyên đơn bà Dương Thị V thảo dỡ căn nhà đang ở để hoàn trả lại phần diện tích đất như hiện trạng ban đầu. Buộc nguyên đơn bà Dương Thị V phải trả giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 15.600.000 đồng. Cụ thể: 104m^2 x 150.000 đồng = 15.600.000 đồng cho bị đơn Dương Văn B. Giao cho nguyên đơn Dương Thị V được quyền sử dụng phần đất có 01 căn nhà có diện tích 104m^2 , thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 200 của ông Nguyễn Văn Q có số đo 10m.

Hướng Tây giáp đất còn lại của thửa 215 do ông Dương Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số đo 10m.

Hướng Nam giáp với đường đal có số đo 10,4m.

Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa 215 có số đo 10m.

Diện tích: 104m^2 (có sơ đồ kèm theo).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí **300.000** đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 5.156.000 đồng. Trả lại cho nguyên đơn 4.856.000 đồng, theo biên lai thu số 0003741 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 11/10/2016.

Bị đơn ông Dương Văn B phải chịu án phí phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phản tố theo biên lai thu số 0003842 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chi phí định giá tài sản 2.400.000 đồng, nguyên đơn nôp và tự nguyện chịu đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh ST;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn